

Số: 996/BC-KSBT

Nghệ An, ngày 03 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra chất lượng nước sạch tại Nhà máy nước Thuận Giang- xã Quỳnh Hưng- huyện Quỳnh Lưu

Thực hiện công văn số 2951/SYT-NVY ngày 18/9/2023 của Sở Y tế về việc tổ chức kiểm tra, lấy mẫu nước phân tích và trả lời kết quả cho UBND huyện Quỳnh Lưu.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An đã phối hợp Phòng Y tế huyện Quỳnh Lưu, Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Lưu và UBND xã Quỳnh Hưng tiến hành kiểm tra chất lượng nước sạch tại Nhà máy nước Thuận Giang – xóm 11- xã Quỳnh Hưng – huyện Quỳnh Lưu. Kết quả như sau:

1. Thông tin chung

- Công suất: 100 m³/ngày.đêm, cung cấp nước sạch cho 400 hộ gia đình xóm 11 – xã Quỳnh Hưng – huyện Quỳnh Lưu.
- Nguồn nước thô được sử dụng sản xuất nước sạch: Nước thô từ kênh thủy lợi xã Quỳnh Hưng.

2. Kết quả kiểm tra

2.1 Quản lý chất lượng nước sạch

Nhà máy nước được xây dựng và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2022, từ đó đến nay chưa thực hiện thử nghiệm, đánh giá chất lượng nước sạch theo QCDP 01:2021/NA.

2.2 Lấy mẫu nước thử nghiệm

- Tổng số mẫu nước sạch đã lấy: 03 mẫu gồm 01 mẫu nước máy đã qua xử lý tại nhà máy; 02 mẫu nước máy tại 02 hộ gia đình.
- Tiêu chuẩn đánh giá: 03 mẫu nước sạch (01 mẫu nước máy tại nhà máy, 02 mẫu nước máy tại 02 nhà dân) được tiến hành thử nghiệm đánh giá chất lượng theo QCDP 01:2021/NA, gồm tất cả 21 thông số (07 thông số nhóm A, 14 thông số nhóm B).

2.3. Kết quả thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm: 3/3 mẫu nước sạch không đạt QCDP 01:2021/NA ((phiếu kết quả kèm theo), cụ thể:

- 01 mẫu nước sạch tại nhà máy nước Thuận Giang: 19/21 thông số đạt QCDP 01:2021/NA, 02/21 thông số không đạt QCDP 01:2021/NA, thông số không đạt là Clo dư 0,02 mg/L (ngưỡng giới hạn cho phép: 0,2- 1,0 mg/L); Coliforms 48 CFU/100 mL (giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL).



- 01 mẫu nước sạch tại nhà thờ giáo xứ Thuận Giang: 19/21 thông số đạt QCĐP 01:2021/NA, 02/21 thông số không đạt QCĐP 01:2021/NA, thông số không đạt là Clo dư 0,02 mg/L (ngưỡng giới hạn cho phép: 0,2- 1,0 mg/L); Coliforms 38 CFU/100 mL (giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL).

- 01 mẫu nước sạch tại hộ dân Bùi Văn Phụng – xóm 11- xã Quỳnh Hưng – Quỳnh Lưu – Nghệ An: 20/21 thông số đạt QCĐP 01:2021/NA, 01/21 thông số không đạt QCĐP 01:2021/NA, thông số không đạt là Clo dư 0,14 mg/L (ngưỡng giới hạn cho phép: 0,2- 1,0 mg/L).

3. Kiến nghị

Để đảm bảo chất lượng nước sạch cho người dân sử dụng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An kiến nghị:

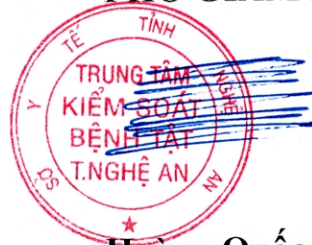
- Nhà máy nước Thuận Giang:
 - + Phối hợp với Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND xã Quỳnh Hưng hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép hoạt động sản xuất nước sạch.
 - + Xem xét lại quy trình khử khuẩn, kịp thời khắc phục các tồn tại theo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch.
 - + Thực hiện đầy đủ chế độ nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCĐP 01:2021/NA, công khai thông tin chất lượng nước sạch và báo cáo chất lượng nước sạch đầy đủ cho cơ quản lý theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT.
- Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn hướng dẫn nhà máy nước Thuận Giang thực hiện việc sản xuất nước sạch theo đúng quy định.
- Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Lưu theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại nhà máy nước Thuận Giang theo đúng quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT và QCĐP 01:2021/NA.
- UBND xã Quỳnh Hưng hướng dẫn nhà máy nước Thuận Giang hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép hoạt động sản xuất nước sạch theo đúng quy định. Theo dõi, tiếp nhận các phản ánh của người dân về chất lượng nước, thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng nước sạch trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại Nhà máy nước Thuận Giang, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An xin được báo cáo để Sở Y tế chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế; (để b/c)
- Trung tâm NSH&VSMT NT; (để p/h)
- UBND huyện Quỳnh Lưu;
- TTYT huyện Quỳnh Lưu; (để t/h)
- UBND xã Quỳnh Hưng;
- Nhà máy nước Thuận Giang;
- BGĐ TTKSBT tỉnh;
- Lưu VT, Khoa SKMT-YTTH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Quốc Kiềm



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 708/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 230941/77
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Bùi Văn Phụng
Xóm 11 - Xã Quỳnh Hưng - Huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 14h00 ngày 21/9/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 8h00 ngày 22/9/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,14
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185:2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,19
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,35
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(<0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,12
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	19,14
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,118
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	4,324
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	122,7
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



BS: Hoàng Thị Thu

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- 5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- 6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 707/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 230941/76
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Nhà thờ giáo xứ Thuận Giang
Xóm 11 - Xã Quỳnh Hưng - Huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 14h00 ngày 21/9/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** 8h00 ngày 22/9/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	38
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,02
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185:2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,62
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,38
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(<0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,44
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	17,73
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,134
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	3,842
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	121,1
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

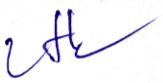
Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



BS: Hoàng Thị Thu

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 706/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 230941/75
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nhà máy nước Thuận Giang
Xóm 11 - Xã Quỳnh Hưng - Huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 14h00 ngày 21/9/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 8h00 ngày 22/9/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	48
2	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,02
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185:2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,84
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,32
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(<0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,28
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	18,43
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	92
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,23
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,11
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	2,03
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	123,8
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



BS: Hoàng Thị Thu

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*/Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors